* So sánh số lượng hóa đơn bán hàng giữa loại khách hàng ‘Normal’ và ‘Member’ theo từng chi nhánh

Derived attribute: totalInvoice

| Idiom | Stacked Bar Charts |
| --- | --- |
| Data Type | 2 categorical: Customer type, branch  1 quantitative: totalInvoice |
| Encoding | Mark: bar mark (vertical)   * Glyph: multiple sub-bars are stacked vertically   Channel:   * Position: vertical and horizontal * Length, color HUE * Spatial region: glyph * Align: full glyph, lowest bar component * Separate: horizotal position |
| Task | Part-to-whole relationship |
| Scale | Stacked key attribute: 2 levels  Main key attribute: 3 levels |

| Effectiveness | Đạt | Không đạt |
| --- | --- | --- |
| Accuracy | x |  |
| Discriminability | x |  |
| Separability | x |  |
| Visual popout |  | x |
| Perceptual grouping | x |  |

A graph of blue and red squares

Description automatically generated

* Thống kê tổng doanh thu bán hàng của các chi nhánh

Derived column: totalSales

| Idiom | Bar Charts |
| --- | --- |
| Data Type | 1 categorical: Branch  1 quantitative: totalSales |
| Encoding | Mark: line  Channel:   * Position: vertical and horizontal * Size: length, area * Express: quantitative (length) * Spatial region: categorical * Separate: horizontal position * Align: vertical position * Order: label (alphabeltic) * Color: HUE |
| Task | Compare, lookup |
| Scale | Key attribute: 3 levels |

| Effectiveness | Đạt | Không đạt |
| --- | --- | --- |
| Accuracy | x |  |
| Discriminability | x |  |
| Separability | x |  |
| Visual popout |  | x |
| Perceptual grouping | x |  |

A graph with different colored bars

Description automatically generated